

Số: 1082 QĐ-LTT-ĐT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận tốt nghiệp cao đẳng, hệ chính quy
cho sinh viên khóa 15CD và khóa cũ trả nợ học phần
(Đợt bổ sung)**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP.HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 72/QĐ-LTT-TC ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành “Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Quyết định số 1267/QĐ-LTT ngày 29 tháng 9 năm 2016 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành “Quy định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ”;

Căn cứ kết quả sau khi sinh viên học lại các học phần còn nợ, đã đạt yêu cầu;
Theo đề nghị của Trường phòng Tuyển sinh - Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp cao đẳng, hệ chính quy cho 146 sinh viên của khóa 15CD và các khóa cũ, cụ thể như sau:

1. Khóa 15CD : 133 sinh viên
2. Các khóa cũ : 13 sinh viên (có danh sách kèm theo)

Điều 2. Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp, đã nộp chứng chỉ Tin học và tiếng Anh theo quy định được cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các sinh viên có tên trong danh sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TS-ĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Đinh Văn Đệ

TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG, HỆ CHÍNH QUY
(ĐỢT BỔ SUNG THÁNG 10 NĂM 2018)

(Kèm theo Quyết định số 1082/QĐ-LTT-ĐT ngày 05 tháng 10 năm 2018
của trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số môn điểm F	Số tín chỉ toàn khóa	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	CC TH	CC TA	Ghi chú
1	13D2010257	Hồ Quang	Vinh	Nam	10/04/1994	13CD-CK4	0	105	107	5,76	Trung bình	A	B	
2	14000397	Nguyễn Nhật	Minh	Nam	05/06/1994	14CĐĐT01	0	105	105	5,51	Trung bình			
3	14000673	Nguyễn Việt	Tiến	Nam	12/04/1996	14CĐCK01	0	105	105	5,56	Trung bình			
4	14000693	Nguyễn Trí	Mẫn	Nam	13/12/1996	14CĐCK02	0	105	105	5,56	Trung bình		B	
5	14000695	Bành Đại	Nghĩa	Nam	23/10/1992	14CĐCK02	0	105	105	6,70	Trung bình	A	B	
6	14000786	Trần Ngọc	Ngọc	Nam	15/08/1995	14CĐCK02	0	105	107	5,58	Trung bình		B	
7	14000714	Nguyễn Văn	Tới	Nam	10/05/1996	14CĐCK02	0	105	106	5,85	Trung bình	A	B	
8	14000806	Võ Anh	Tú	Nam	02/11/1996	14CĐCK03	0	105	106	5,73	Trung bình	A	B	
9	14000813	Bùi Tuấn	Anh	Nam	22/03/1995	14CĐOT01	0	105	105	6,19	Trung bình		B	
10	14001040	Đàng Văn	Cường	Nam	10/12/1995	14CĐOT01	0	105	105	5,81	Trung bình			
11	14000824	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	13/09/1996	14CĐOT01	0	105	105	5,81	Trung bình	A	B	
12	14000981	Lương Quốc	Anh	Nam	28/01/1996	14CĐOT04	0	105	105	5,77	Trung bình		B	
13	14001218	Lê Đình	Hiếu	Nam	18/09/1996	14CĐTM01	0	105	105	5,91	Trung bình			
14	15003078	Văn Tuấn	Cường	Nam	13/01/1997	15CĐ-ĐCN1	0	101	101	6,17	Trung bình	A	B	
15	15000615	Trương Gia	Đạt	Nam	06/03/1997	15CĐ-ĐCN1	0	101	101	6,35	Trung bình	A	B	
16	15003065	Lý Hoàng	Huy	Nam	03/12/1997	15CĐ-ĐCN1	0	101	101	7,07	Khá	A	B	
17	15000527	Bùi Bảo	Lâm	Nam	31/12/1997	15CĐ-ĐCN1	0	101	101	6,60	Trung bình	A	B	
18	15000570	Phạm Nguyễn Hoài	Linh	Nam	27/03/1997	15CĐ-ĐCN1	0	101	101	5,87	Trung bình	A	B	
19	15001420	Võ Hữu	Ngọc	Nam	08/02/1997	15CĐ-ĐCN1	0	101	101	5,67	Trung bình		B	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số môn điểm F	Số tín chỉ toàn khóa	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	CC TH	CC TA	Ghi chú
20	15002784	Lê Minh	Phúc	Nam	15/07/1997	15CĐ-ĐCN2	0	101	101	6,59	Trung bình	A	B	
21	15001139	Bùi Hữu	Thịnh	Nam	06/03/1997	15CĐ-ĐCN2	0	101	101	6,11	Trung bình	A	B	
22	15001125	Lý Trường	Tuấn	Nam	22/01/1997	15CĐ-ĐCN2	0	101	101	6,79	Trung bình	A	B	
23	15002052	Lê Huy	Cường	Nam	12/09/1997	15CĐ-ĐCN3	0	101	101	6,05	Trung bình	A	B	
24	15001185	Nguyễn Hữu	Tài	Nam	10/06/1997	15CĐ-ĐCN3	0	101	101	5,85	Trung bình		B	
25	15001252	Nguyễn Công	Thoại	Nam	15/6/1995	15CĐ-ĐCN3	0	101	101	5,83	Trung bình		B	
26	15001434	Thiều Quang	Thuận	Nam	14/05/1997	15CĐ-ĐCN3	0	101	101	5,88	Trung bình		B	
27	15001479	Đặng Minh	Trí	Nam	07/04/1997	15CĐ-ĐCN3	0	101	101	5,95	Trung bình		B	
28	15002666	Huỳnh Công	Thạch	Nam	13/10/1997	15CĐ-ĐCN4	0	101	101	5,95	Trung bình	A	B	
29	15001644	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	14/04/1997	15CĐ-ĐTCN1	0	101	101	5,74	Trung bình		B	
30	15002032	Phạm Thanh	Hiếu	Nam	18/09/1997	15CĐ-ĐTCN1	0	101	101	6,14	Trung bình		B	
31	15003178	Nguyễn Đình	Hợp	Nam	12/10/1996	15CĐ-ĐTCN1	0	101	101	6,29	Trung bình		B	
32	15001643	Phan Duy	Lân	Nam	18/02/1997	15CĐ-ĐTCN1	0	101	101	6,04	Trung bình		B	
33	15001328	Nguyễn Quang	Luân	Nam	01/02/1997	15CĐ-ĐTCN1	0	101	101	6,12	Trung bình		B	
34	15001763	Huỳnh Duy	Quốc	Nam	03/07/1997	15CĐ-ĐTCN1	0	101	101	5,97	Trung bình		B	
35	15001034	Nguyễn Hồng	Sơn	Nam	15/03/1997	15CĐ-ĐTCN1	0	101	101	6,85	Trung bình	A	B	
36	15001770	Nguyễn Văn	Sơn	Nam	20/04/1996	15CĐ-ĐTCN1	0	101	101	6,13	Trung bình			
37	15003482	Nguyễn Huy	Thước	Nam	20/02/1997	15CĐ-ĐTCN1	0	101	101	7,47	Khá	A	B	
38	15002160	Võ Minh	Khang	Nam	04/11/1997	15CĐ-TĐH1	0	101	101	6,10	Trung bình		B	
39	15002579	Huỳnh Đăng	Khoa	Nam	18/11/1996	15CĐ-TĐH1	0	101	101	6,18	Trung bình			
40	15001801	Hồ Ngọc	Lênh	Nam	12/09/1997	15CĐ-TĐH1	0	101	101	5,81	Trung bình	A	B	
41	15002214	Trần Tấn	Sang	Nam	14/02/1997	15CĐ-TĐH1	0	101	101	6,05	Trung bình	A	B	
42	15003204	Võ Văn	Thương	Nam	15/01/1996	15CĐ-TĐH1	0	101	101	6,26	Trung bình	A		
43	15002763	Huỳnh Minh	Tài	Nam	25/09/1995	15CĐ-TĐH1	0	101	101	6,17	Trung bình	A	B	
44	15003112	Huỳnh Nhật	Tiến	Nam	26/02/1997	15CĐ-TĐH1	0	101	101	5,93	Trung bình	A	B	
45	15002077	Nguyễn Tuấn	Vương	Nam	14/03/1995	15CĐ-TĐH1	0	101	101	6,20	Trung bình	A	B	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số môn điểm F	Số tín chỉ toàn khóa	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	CC TH	CC TA	Ghi chú
46	15001423	Phạm Ngọc	Trai	Nam	20/06/1997	15CĐ-ĐL1	0	101	101	6,31	Trung bình	A	B	
47	15001340	Nguyễn Hoàng	Trung	Nam	22/11/1997	15CĐ-ĐL1	0	101	101	6,11	Trung bình			
48	15002087	Trần	Đại	Nam	01/10/1997	15CĐ-ĐL2	0	101	101	6,14	Trung bình	A	B	
49	15001692	Nguyễn Tấn	Dưỡng	Nam	16/05/1997	15CĐ-ĐL2	0	101	101	5,59	Trung bình	A	B	
50	15002691	Nguyễn Văn	Luân	Nam	09/09/1997	15CĐ-ĐL2	0	101	101	6,21	Trung bình	A		
51	15002030	Lê Ngọc	Nông	Nam	26/9/1997	15CĐ-ĐL2	0	101	101	5,94	Trung bình	A	B	
52	15002243	Phan Xuân	Thông	Nam	19/12/1997	15CĐ-ĐL2	0	101	101	6,13	Trung bình	A		
53	15002993	Tạ Công	Tính	Nam	02/01/1997	15CĐ-ĐL2	0	101	101	6,21	Trung bình	A	B	
54	15003295	Huỳnh Hữu	Toàn	Nam	24/12/1997	15CĐ-ĐL2	0	101	101	6,36	Trung bình	A		
55	15001860	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	30/01/1997	15CĐ-ĐL2	0	101	101	5,79	Trung bình	A	B	
56	15000699	Đinh Hoàng Bảo	Anh	Nam	16/08/1995	15CĐ-CĐ1	0	101	101	6,06	Trung bình	A	B	
57	15001115	Đỗ Duy	Bảo	Nam	05/01/1996	15CĐ-CĐ1	0	101	101	5,89	Trung bình		B	
58	15000542	Trần Thanh	Bình	Nam	30/04/1997	15CĐ-CĐ1	0	101	101	5,64	Trung bình	A	B	
59	15003060	Huỳnh Quang	Điền	Nam	01/10/1997	15CĐ-CĐ1	0	101	101	6,86	Trung bình	A	B	
60	15000590	Nguyễn Ngọc	Đô	Nam	07/04/1997	15CĐ-CĐ1	0	101	101	5,72	Trung bình		B	
61	15000459	Lê Đình	Đức	Nam	16/04/1997	15CĐ-CĐ1	0	101	101	5,67	Trung bình	A	B	
62	15001155	Nguyễn	Ghin	Nam	10/10/1997	15CĐ-CĐ1	0	101	101	5,87	Trung bình		B	
63	15000470	Thiều Quốc	Hữu	Nam	25/08/1997	15CĐ-CĐ1	0	101	101	5,86	Trung bình	A	B	
64	15000468	Nguyễn Công	Huy	Nam	10/09/1996	15CĐ-CĐ1	0	101	101	6,16	Trung bình		B	
65	15003106	Dương Quốc	Kiệt	Nam	01/05/1997	15CĐ-CĐ1	0	101	101	6,14	Trung bình	A		
66	15000987	Nguyễn Tiến	Phát	Nam	02/02/1996	15CĐ-CĐ1	0	101	101	5,82	Trung bình	A	B	
67	15002752	Ngô Ngân Đại	Phú	Nam	22/04/1997	15CĐ-CĐ1	0	101	101	5,88	Trung bình		B	
68	15000569	Nguyễn Huỳnh	Thi	Nam	21/12/1996	15CĐ-CĐ1	0	101	101	5,73	Trung bình		B	
69	15003114	Nguyễn Minh	Trung	Nam	29/07/1996	15CĐ-CĐ1	0	101	101	5,67	Trung bình	A	B	
70	15000700	Đỗ Thành	Huy	Nam	16/03/1996	15CĐ-CĐT1	0	101	101	5,96	Trung bình	A	B	
71	15001831	Nguyễn Hồng	Minh	Nam	15/07/1997	15CĐ-CĐT1	0	101	101	6,86	Trung bình	A	B	
72	15000690	Lộ Ngọc	Nhật	Nam	24/11/1996	15CĐ-CĐT1	0	101	101	6,05	Trung bình	A	B	
73	15003301	Lư Hoàng Tuấn	Phát	Nam	12/12/1997	15CĐ-CĐT1	0	101	101	5,72	Trung bình			
74	15001877	Hà Thanh	Sơn	Nam	07/12/1997	15CĐ-CĐT1	0	101	101	5,83	Trung bình		B	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số môn điểm F	Số tín chỉ toàn khóa	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	CC TH	CC TA	Ghi chú
75	15001894	Phạm Ngọc	Son	Nam	12/12/1997	15CĐ-CĐT1	0	101	101	5,98	Trung bình		B	
76	15002373	Trần A	Sửu	Nam	28/04/1997	15CĐ-CĐT1	0	101	101	5,90	Trung bình			
77	15001727	Bùi Anh	Vinh	Nam	21/06/1997	15CĐ-CĐT1	0	101	101	5,82	Trung bình	A	B	
78	15000983	Trương Văn	Âu	Nam	20/06/1996	15CĐ-CTM1	0	101	101	5,90	Trung bình	A	B	
79	15001018	Trương Minh	Hiếu	Nam	18/10/1997	15CĐ-CTM1	0	101	101	5,61	Trung bình	A	B	
80	15003090	Phạm Minh	Khánh	Nam	07/02/1994	15CĐ-CTM1	0	101	101	6,26	Trung bình	A	B	
81	15001056	Nguyễn Nhật Minh	Ngôn	Nam	10/08/1997	15CĐ-CTM1	0	101	101	5,86	Trung bình	A	B	
82	15000540	Võ Văn	Thành	Nam	01/09/1997	15CĐ-CTM1	0	101	101	5,91	Trung bình	A	B	
83	15001663	Nguyễn Long Thanh	Vũ	Nam	06/02/1997	15CĐ-CTM1	0	101	101	5,85	Trung bình	A	B	
84	15002155	Ngô Hoàng	Kiên	Nam	27/01/1997	15CĐ-CTM2	0	101	101	5,52	Trung bình		B	
85	15002152	Trương Công	Ngọc	Nam	28/07/1997	15CĐ-CTM2	0	101	101	6,46	Trung bình		B	
86	15002229	Trần Tứ	Nhiều	Nam	28/08/1996	15CĐ-CTM2	0	101	101	5,98	Trung bình		B	
87	15002190	Trần Việt	Thường	Nam	05/09/1996	15CĐ-CTM2	0	101	101	5,62	Trung bình		B	
88	15002627	Từ Thái	Bảo	Nam	10/12/1997	15CĐ-CTM3	0	101	101	5,67	Trung bình	A	B	
89	15003159	Nguyễn Thanh	Nhân	Nam	25/03/1997	15CĐ-CTM3	0	101	101	5,53	Trung bình		B	
90	15002394	Nguyễn Tấn	Tài	Nam	07/12/1997	15CĐ-CTM3	0	101	101	5,70	Trung bình	A		
91	15002442	Nguyễn Văn	Trường	Nam	22/02/1997	15CĐ-CTM3	0	101	101	5,86	Trung bình	A	B	
92	15002620	Trần Quốc	Huy	Nam	17/01/1997	15CĐ-CTM4	0	101	101	5,70	Trung bình	A	B	
93	15002635	Thân Ngọc	Phước	Nam	25/04/1997	15CĐ-CTM4	0	101	101	6,12	Trung bình	A	B	
94	15002606	Võ Khánh	Tiên	Nam	02/01/1997	15CĐ-CTM4	0	101	101	5,68	Trung bình		B	
95	15002658	Nguyễn Thanh	Trúc	Nam	14/05/1997	15CĐ-CTM4	0	101	101	5,99	Trung bình	A	B	
96	15002565	Vũ Mạnh	Tường	Nam	25/06/1997	15CĐ-CTM4	0	101	101	5,89	Trung bình		B	
97	15002922	Nguyễn Tuấn	Cánh	Nam	01/07/1997	15CĐ-CTM5	0	101	101	5,81	Trung bình	A	B	
98	15002806	Phạm Tiên	Dũng	Nam	20/05/1997	15CĐ-CTM5	0	101	101	5,80	Trung bình	A	B	
99	15003160	Nguyễn Thế	Hoàng	Nam	09/10/1997	15CĐ-CTM5	0	101	101	5,51	Trung bình		B	
100	15003263	Đỗ Văn	Thanh	Nam	16/09/1997	15CĐ-CTM5	0	101	101	6,11	Trung bình	A	B	
101	15002794	Phạm Quốc	Trọng	Nam	27/11/1997	15CĐ-CTM5	0	101	101	5,85	Trung bình	A	B	
102	15002971	Nguyễn Thiên	Trung	Nam	27/01/1996	15CĐ-CTM5	0	101	101	6,59	Trung bình			
103	15002941	Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	15/07/1997	15CĐ-CTM5	0	101	101	5,90	Trung bình		B	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số môn điểm F	Số tín chỉ toàn khóa	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	CC TH	CC TA	Ghi chú
104	15002699	Nguyễn Minh	Hiền	Nam	08/12/1995	15CD-Ô1	0	101	101	5,74	Trung bình		B	
105	15002551	Trần Duy	Khánh	Nam	13/12/1996	15CD-Ô2	0	101	101	5,80	Trung bình		B	
106	15003099	Nguyễn Viết Tùng	Lâm	Nam	11/07/1996	15CD-Ô2	0	101	101	5,78	Trung bình	A		
107	15000768	Nguyễn Quang	Trung	Nam	28/10/1996	15CD-Ô2	0	101	101	5,68	Trung bình	A	B	
108	15000994	Nguyễn Ngọc	Cảnh	Nam	11/02/1996	15CD-Ô4	0	101	101	6,16	Trung bình		B	
109	15001161	Nguyễn Hoàng	Long	Nam	29/05/1997	15CD-Ô4	0	101	101	6,19	Trung bình	A		
110	15002286	Nguyễn	Công	Nam	28/06/1997	15CD-Ô5	0	101	101	6,14	Trung bình	A	B	
111	15001330	Nguyễn Thanh	Thảo	Nam	02/09/1997	15CD-Ô5	0	101	101	6,24	Trung bình	A	B	
112	15002131	Trương Huy	Hoàng	Nam	12/08/1997	15CD-Ô6	0	101	101	6,39	Trung bình	A	B	
113	15001684	Lê Hoàng	Long	Nam	04/08/1997	15CD-Ô6	0	101	101	6,15	Trung bình			
114	15001454	Phan Văn	Nhơn	Nam	09/10/1997	15CD-Ô6	0	101	101	5,60	Trung bình		B	
115	15002867	Phạm Thị Ái	Loan	Nữ	01/07/1996	15CD-MTT1	0	101	101	6,86	Trung bình		B	
116	15000810	Trần Quốc	Bảo	Nam	14/09/1997	15CD-TM1	0	101	101	5,99	Trung bình			
117	15000532	Trần Thiệu	Duy	Nam	24/08/1997	15CD-TM1	0	101	101	5,55	Trung bình		B	
118	15000623	Nguyễn Đỗ Quang	Huy	Nam	22/11/1997	15CD-TM1	0	101	101	6,19	Trung bình		B	
119	15000485	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	20/10/1997	15CD-TM1	0	101	101	6,32	Trung bình		B	
120	15001719	Đào Quang	Lượng	Nam	14/11/1996	15CD-TM1	0	101	101	6,35	Trung bình		B	
121	15000748	Nguyễn Đình	Phương	Nam	22/11/1997	15CD-TM1	0	101	101	5,79	Trung bình		B	
122	15000923	Bùi Tấn	Tài	Nam	12/03/1997	15CD-TM1	0	101	101	6,44	Trung bình		B	
123	15000864	Nguyễn Thế	Toàn	Nam	03/05/1997	15CD-TM1	0	101	101	6,07	Trung bình		B	
124	15000782	Võ Thành	Trung	Nam	28/09/1996	15CD-TM1	0	101	101	6,10	Trung bình			
125	15001822	Hà Phúc	Tự	Nam	18/11/1997	15CD-TM1	0	101	101	6,54	Trung bình			
126	15001568	Chung Vĩnh	Đạt	Nam	21/11/1997	15CD-TP1	0	101	101	6,28	Trung bình		B	
127	15001872	Đỗ Quốc	Dũng	Nam	07/09/1995	15CD-TP1	0	101	101	6,00	Trung bình		B	
128	15001687	Trần Quang	Duy	Nam	24/04/1997	15CD-TP1	0	101	101	5,72	Trung bình		B	
129	15001599	Phạm Thanh	Long	Nam	08/04/1997	15CD-TP1	0	101	101	6,10	Trung bình		B	
130	15001585	Nguyễn Văn	Sang	Nam	25/09/1996	15CD-TP1	0	101	101	5,60	Trung bình			
131	15000828	Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	19/04/1996	15CD-TP1	0	101	101	5,54	Trung bình		B	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số môn điểm F	Số tín chỉ toàn khóa	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	CC TH	CC TA	Ghi chú
132	15002969	Trương Tấn	Duy	Nam	27/08/1996	15CD-TP2	0	101	101	6,06	Trung bình		B	
133	15002673	Lê Thanh	Hải	Nam	15/06/1997	15CD-TP2	0	101	101	5,82	Trung bình		B	
134	15002821	Huỳnh Văn	Hùng	Nam	11/08/1997	15CD-TP2	0	101	101	5,90	Trung bình		B	
135	15002121	Nguyễn Thiện	Tân	Nam	09/04/1997	15CD-TP2	0	101	101	5,98	Trung bình		B	
136	15002863	Nguyễn Tiến	Triệu	Nam	29/05/1997	15CD-TP2	0	101	101	5,55	Trung bình		B	
137	15001686	Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	19/04/1997	15CD-TP2	0	101	101	5,62	Trung bình		B	
138	15001706	Trần Ngọc	Tùng	Nam	21/06/1996	15CD-TP2	0	101	101	5,96	Trung bình			
139	15003033	Huỳnh Thanh	Viễn	Nam	21/02/1997	15CD-TP2	0	101	101	5,56	Trung bình		B	
140	15001538	Lê Ngọc	An	Nam	25/4/1997	15CD-TW	0	101	101	5,94	Trung bình		B	
141	15002067	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	10/10/1997	15CD-TW	0	101	101	5,57	Trung bình		B	
142	15002556	Phan Nhật	Đô	Nam	01/10/1995	15CD-TW	0	101	101	5,84	Trung bình			
143	15002428	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	11/05/1997	15CD-TW	0	101	101	6,23	Trung bình		B	
144	15001914	Phạm Tấn	Thành	Nam	08/05/1997	15CD-TW	0	101	101	5,83	Trung bình		B	
145	15002351	Tất Minh	Thương	Nam	24/04/1997	15CD-TW	0	101	101	6,26	Trung bình		B	
146	15002217	Nguyễn Văn	Tín	Nam	24/03/1997	15CD-TW	0	101	102	6,19	Trung bình		B	

Tổng cộng danh sách có 146 sinh viên

Trong đó: **Khá:** 02 SV 1,37 %
Trung bình: 144 SV 98,63 %

